BỘ NỘI VỤ
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC VÀ THĂNG HẠNG CDNN VIÊN CHỨC NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH VIÊN CHỨC THI MÔN NGOẠI NGỮ CA 03
KỲ THI THĂNG HẠNG CDNN CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2020
Phòng máy số 05, Tầng 3, Nhà D

TT	Họ và tên	Ngày Sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi
		Nam	Nữ					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1	Nguyễn Thị Tuyết Mai		03/11/1977	**2139**	Chuyên viên	Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiếng Anh
2	Lưu Thanh Mai		24/10/1971	**2140**	Chuyên viên	Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam		Tiếng Anh
3	Lê Văn Mão	19/5/1987		**2141**	Phó Trưởng Bộ môn	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
4	Đặng Văn Minh	13/01/1972		**2142**	Trưởng phòng	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
5	Chu Thị Minh		07/10/1979	**2143**	Chuyên viên	Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiếng Anh
6	Nguyễn Văn Minh	22/5/1974		**2144**	Phó Giám đốc	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
7	Ngô Thị Hải Nam		09/3/1975	**2146**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
8	Nguyễn Duy Nam	28/06/1983		**2147**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
9	Nghiêm Giang Nam	20/5/1979		**2148**	Phó Giám đốc	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
10	Đỗ Thị Nết		5/9/1980	**2150**	Trưởng phòng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh

TT	Họ và tên	Ngày Sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi
		Nam	Nữ					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
11	Nguyễn Thị Nga		12/5/1981	**2151**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
12	Nguyễn Thị Nga		7/8/1977	**2152**	Chuyên viên	Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiếng Anh
13	Lê Thị Nga		17/10/1977	**2153**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
14	Bùi Thị Tuyết Nga		28/10/1973	**2154**	Trưởng phòng Tổng hợp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
15	Nguyễn Thị Thiều Nga		28/4/1978	**2155**	Phó Trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
16	Nguyễn Thị Thanh Nga		9/6/1986	**2156**	Chuyên viên	Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam		Tiếng Anh
17	Hoàng Thị Thanh Nga		28/02/1986	**2157**	Phó Trưởng phòng	Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam		Tiếng Anh
18	Hà Thị Hồng Ngân		06/12/1977	**2159**	Chánh Văn phòng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
19	Phùng Thế Nghị	17/4/1977		**2161**	Chuyên viên	Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiếng Anh
20	Đinh Hữu Nghĩa	12/7/1985		**2162**	Chuyên viên	Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiếng Anh
21	Vũ Thị Bích Ngọc		07/7/1982	**2164**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
22	Trương Thị Kim Ngọc		17/8/1980	**2165**	Phó Trưởng phòng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
23	Quang Huyền Ngọc		'21/01/1974	**2167**	Chuyên viên	Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam		Tiếng Anh

TT	Họ và tên	Ngày Sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi
		Nam	Nữ					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
24	Lê Đức Ngọc	16/10/1981		**2168**	Phó Chánh Văn phòng	Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam		Tiếng Anh
25	Võ Duy Nhân	09/5/1976		**2170**	Phó Giám đốc,	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
26	Vũ Thị Oanh		20/01/1983	**2173**	Chuyên viên	Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiếng Anh
27	Nguyễn Thị Hải Oanh		16/3/1972	**2174**	Phó Trưởng phòng	Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam		Tiếng Anh
28	Đỗ Văn Phong	05/6/1977		**2175**	Phó Trưởng phòng	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh